

BÁO CÁO ƯỚC THU NỘI ĐỊA THÁNG 01 NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số: /CTAGI-NVDTPC ngày tháng năm của Cục Thuế tỉnh An Giang)

Đvt: Triệu đồng; %.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN THÁNG 01 NĂM 2025	% ƯITH THÁNG 01 NĂM 2025 SO			
		BTC	UBND	DT PHẢN ĐẦU		DT BTC	DT UBND	DT PHẢN ĐẦU	C.KỲ
	<u>TỔNG THU NSNN</u>		7.220.000	7.942.000	1.240.000		17.2	15.6	77.5
	<i>Trong đó trừ tiền Sử dụng đất, xổ số kiến thiết</i>		4.602.000		555.700		12.1		63.6
	<u>THEO CHỈ TIÊU BTC</u>	7.220.000			1.240.000	17.2			77.5
	<i>Trừ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, Cổ tức</i>	4.500.000	4.500.000		545.700	12.1	12.1		65.0
A	<u>CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</u>		7.220.000		1.240.000		17.2		77.5
1	DNNN TRUNG ƯƠNG	235.000	235.000		19.756	8.4	8.4		101.4
	- Thuế GTGT	170.000	170.000		11.800	6.9	6.9		104.1
	- Thuế TTĐB	50.000	50.000		4.956	9.9	9.9		134.0
	- Thuế TNDN	15.000	15.000		3.000	20.0	20.0		67.5
	- Thuế tài nguyên	-	-						0.0
2	DNNN ĐỊA PHƯƠNG	432.000	432.000		91.600	21.2	21.2		65.2
	- Thuế GTGT	215.700	215.700		26.000	12.1	12.1		68.7
	- Thuế TTĐB	600	600		100	16.7	16.7		97.2
	- Thuế TNDN	140.000	140.000		60.000	42.9	42.9		71.5
	- Thuế tài nguyên	75.700	75.700		5.500	7.3	7.3		29.7
3	DN CÓ VỐN ĐTNN	82.000	82.000		23.600	28.8	28.8		98.4
	- Thuế GTGT	22.500	22.500		600	2.7	2.7		137.4
	- Thuế TTĐB	-	-						
	- Thuế TNDN	59.500	59.500		23.000	38.7	38.7		97.7
	- Thuế tài nguyên								0.0
4	Thuế CTN (NQD)	1.350.000	1.350.000		204.350	15.1	15.1		52.3
	- Thuế GTGT	901.800	901.800		120.000	13.3	13.3		52.0
	- Thuế TTĐB	3.200	3.200		350	10.9	10.9		84.0
	- Thuế TNDN	390.000	390.000		74.000	19.0	19.0		57.1
	- Thuế tài nguyên	55.000	55.000		10.000	18.2	18.2		33.3
a	Cục Thuế QL	509.500	509.500		57.605	11.3	11.3		36.4
	- Thuế GTGT	274.010	274.010		22.000	8.0	8.0		21.4
	- Thuế TTĐB	50	50		5	10.0	10.0		68.2
	- Thuế TNDN	229.645	229.645		35.000	15.2	15.2		93.0
	- Thuế tài nguyên	5.795	5.795		600	10.4	10.4		3.3
b	CCT Quản lý	840.500	840.500		146.745	17.5	17.5		66.6
	- Thuế GTGT	627.790	627.790		98.000	15.6	15.6		76.6
	- Thuế TTĐB	3.150	3.150		345	11.0	11.0		84.3
	- Thuế TNDN	160.355	160.355		39.000	24.3	24.3		42.4
	- Thuế tài nguyên	49.205	49.205		9.400	19.1	19.1		77.7
5	THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	700.000	700.000		73.000	10.4	10.4		84.6
6	THUẾ BVMT	750.000	750.000		35.000	4.7	4.7		106.4
7	LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ	320.000	320.000		30.000	9.4	9.4		99.5
8	THU PHÍ - LỆ PHÍ	252.000	252.000		26.500	10.5	10.5		53.6
9	THUẾ SD ĐẤT NN				-				
10	THUẾ NHÀ ĐẤT + THUẾ SDĐPNN	18.000	18.000		1.100	6.1	6.1		93.3
11	TIỀN THUẾ ĐẤT	45.000	45.000		2.000	4.4	4.4		31.5
12	THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	518.000	518.000		33.000	6.4	6.4		15.1
13	TIỀN THUẾ NHÀ + BÁN NHÀ	100	100			0.0	0.0		

[illegible]